TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/ DS - ST
Ngày 09 - 4 -2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Duy

2.Bà Trịnh Thị Thanh Thúy

Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST- DS, ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- DS, ngày 10 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:16/2025/QĐST- DS, ngày 27/3/2025, giữa các đương sự*:*

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích Đ, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A đường B, thị trấn C, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

**Bị đơn:* Bà Bùi Thị X, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, đường N, thị trấn C, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Văn N , sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường N, thị trấn C, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị Kim H , sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Số D, đường K, thị trấn C, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Bích Đ trình bày:* Tôi (Trần Thị Bích Đ) và bà Bùi Thị X, ông Trần Văn N quen biết nhau, vì tôi là em con Dì ruột của ông Trần Văn N . Tôi biết vợ chồng bà Bùi Thị X, ông Trần Văn N có mở Công ty hành nghề xây dựng, nhận thầu các công trình. Bà X và ông N nhiều lần gọi điện thoại hỏi vay tiền của tôi về để trả tiền cho nhân công xây dựng hay mua vật liệu xây dựng. Vì tin tưởng và thấy bà X, ông N có Công ty xây dựng, đồng thời là bà con với nhau nên tôi đồng ý cho vay tiền, khi đến nhận tiền vay của tôi thì bà T đến nhận.

Ngày 6 tháng 6 năm 2016 (âm lịch) tức ngày 09/7/2016 (dương lịch), bà Bùi Thị X đã đến nhà vay của tôi số tiền 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu), khi vay tiền bà X có nói với tôi là về mua vật liệu xây dựng để xây dựng công trình cho các cơ quan Nhà nước, xây xong Nhà nước trả tiền bà X, ông N sẽ trả lại. Mỗi tháng bà X trả cho Tôi 3.000.000 đồng tiền lãi. Bà X trả tiền lãi cho đến tháng 8 năm 2023 thì không trả nữa.

Ngày 02 tháng 3 năm 2024 (âm lịch) tức ngày 10/04/2024 (dương lịch), bà Bùi Thị X vay của tôi số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Số tiền này bà X nói là để trả tiền mua vật liệu xây dựng. Bà X cũng hứa trả mỗi tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng. Lúc này do tôi không ở nhà nên tôi có bảo người nhà cầm đến đưa cho bà Nguyễn Thị Kim H 300.000.000 đồng, tôi nhờ bà Nguyễn Thị Kim H giao cho bà Bùi Thị X và nhờ bà H là biểu bà X viết giấy mượn tiền, nên trong giấy mượn tiền ngày 02/3/3024 (AL) bà X viết " Nhận tại H giao". Khoản tiền vay này bà X, ông N chưa trả tiền lãi.

Từ đầu tháng 5 năm 2024, tôi gọi điện thoại và đến nhà bà X, ông N để lấy lại tiền. Nhưng bà X, ông N không trả nợ tiền vay cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị X và ông Trần Văn N phải trả cho tôi 475.000.000 đồng vay gốc, tôi không yêu cầu trả tiền lãi.

**Bị đơn bà Bùi Thị X trình bày ý kiến như sau:* Tôi công nhận vào ngày 06/6/2016 âm lịch (tức ngày 09/7/2016 dương lịch) tôi có vay bà Đ số tiền 175.000.000 đồng. Khi vay tôi là người trực tiếp nhận tiền vay từ bà Đ và trực tiếp viết giấy nợ giao cho bà Đ ; mục đích vay là để trả nợ lãi cho các khoản vay khác.

Tôi công nhận vào ngày 02/3/2024 âm lịch (tức ngày 10/4/2014 dương lịch) tôi có vay bà Đ số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay tôi là người trực tiếp nhận tiền vay từ bà Đ và trực tiếp viết giấy nợ giao cho bà Đ . Cả hai lần vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, tôi đã trả lãi đầy đủ cho bà Đ từ tháng 10/2024 mãi đến nay.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu tôi phải hoàn trả lại số tiền 475.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi tôi đồng ý trả. Số nợ này là của cá nhân, không liên quan gì đến ông N .

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N , trình bày:*

Ông công nhận giữa ông và bà X là vợ chồng và bản thân ông có quan hệ họ hàng với bà Đ như bà X đã trình bày. Việc bà X vay tiền của bà Đ các lần với tổng số tiền còn nợ là 475.000.000 đồng bản thân ông không biết, không liên quan gì đến cá nhân ông cả.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà X và ông phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 475.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi, ông không đồng ý. Số nợ này là của cá nhân bà X, không liên quan gì đến ông nên ông không có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Bích Đ khởi kiện bà Bùi Thị X, ông Trần Văn N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn bà X có địa chỉ cư trú tại thị trấn C, huyện Nghĩa Hành. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành

[1.2] Bị đơn bà Bùi Thị X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà X, ông N .

[1.3] Đơn khởi kiện bà Đ xác định bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà X xác nhận số tiền vay ngày 02/3/2024 âm lịch (tức ngày 10/4/2014 dương lịch) 300.000.000 đồng là vay của bà Đ , như vậy bà H không có quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan trong yêu cầu khởi kiện của bà Đ . Do đó, xác định lại vị trí tố tụng của bà H là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích Đ về việc yêu cầu bà Bùi Thị X và ông Trần Văn N phải trả nợ cho bà Đ số tiền 475.000.000 đồng.

[2.1] Căn cứ hai Giấy mượn tiền có chữ viết và chữ ký của bà X vào ngày 06/6/2016 âm lịch (tức ngày 09/7/2016 dương lịch) vay số tiền 175.000.000 đồng và giấy mượn tiền ngày 02/3/3024 (AL) vay số tiền

300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở khẳng định bà X là người trực tiếp vay số tiền 475.000.000 đồng của bà Trần Thị Bích Đ .

[2.2] Bà Đ và bà X đều thống nhất số tiền bà X vay của bà Đ là 475.000.000 đồng, lãi suất phải trả trên số tiền vay là 3%/tháng. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp về mức lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ xác nhận số tiền lãi bà X đã trả cho bà Đ là 3.000.000 đồng, đây là tiền lãi của tháng 7 và tháng 8 năm 2016 trên số tiền vay 175.000.000 đồng ngày 09/7/2016 (dương lịch). Còn bà X không có tài liệu nào chứng minh cho việc đã trả tiền lãi cho bà Đ . Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng với mức lãi suất là 13,5%/năm), lãi suất tháng là 1,125%. Như vậy số tiền lãi bà X trả cho bà Đ chưa vượt quá quy định.

[2.3] Bà Đ không yêu cầu bà Bùi Thị X, ông Trần Văn N phải trả tiền lãi tiếp theo sau khi trả 3.000.000 đồng. Ghi nhận ý kiến của bà Đ , Hội đồng xét xử không xem xét tiền lãi bà X, ông N phải trả cho bà Đ .

[2.4] Bà Bùi Thị X cho rằng hai khoản nợ của bà Đ bà đã trả tiền lãi từ tháng 10/2024 mãi đến nay nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Xét ý kiến của bà X cho rằng số tiền 475.000.000 đồng bà X vay của bà Đ là khoản vay cá nhân không liên quan đến ông Trần Văn N , còn ông N cho rằng số nợ 475.000.000 đồng là của cá nhân bà X, không liên quan gì đến ông N , nên ông N không có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ .

Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 02/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành có Thông báo số 03/TB – DS yêu cầu ông Trần Văn N , bà Bùi Thị X giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông N không liên quan đến số nợ 475.000.000 đồng nhưng ông N , bà X không giao nộp được tài liệu chứng minh; Ngày 03/02/2025 Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành có Giấy triệu tập số 36/TA triệu tập ông Trần Văn N đến Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành để làm việc về việc bà Trần Thị Bích Đ khởi kiện ông, nhưng ông N không đến làm việc và cũng không thông báo lý do không đến làm việc. Như vậy, ông N đã tự từ bỏ quyền chứng minh của ông trước yêu cầu khởi kiện của bà Đào, về việc ông phải cùng bà X trả tiền nợ.

Giấy mượn tiền ngày 02/3/3024 (AL) tức ngày 10/4/2014 dương lịch, bà X viết vay số tiền 300.000.000 đồng trên cơ sở từ giấy pho tô căn cước công dân của ông Trần Văn N , trong khi căn cước công dân của ông N là tài liệu nhân thân của ông, ông phải cất giữ. Nhưng vậy, đủ cơ sở khẳng định ông N biết việc bà X sử dụng căn cước công dân của ông để làm tin khi mượn tiền.

Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2025 bà X trình bày " *mục đích vay là sử dụng cho các khoản vay các cá nhân khác là phần lớn, phần tiền còn lại mua vật tư, chi phí cho hoạt động của Công ty TNHH xây dựng F*". Như vậy, dù ông N không trực tiếp ký tên vào các giấy vay tiền cùng với bà X nhưng số tiền vay của bà Đ , bà X đã dùng vào mục đích hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH xây dựng F, trong khi Công ty TNHH xây dựng F lại do ông N làm giám đốc, Công ty còn là tài sản chung của vợ chồng bà X, ông N ; gia đình ông N , bà X dựa trên nguồn thu nhập từ Công ty để sinh sống hàng ngày. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần buộc ông Trần Văn N phải có nghĩa vụ cùng với bà Bùi Thị X trả số tiền nợ 475.000.000 đồng cho bà Trần Thị Bích Đ .

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích Đ nên hoàn trả lại cho bà Đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Buộc bà Bùi Thị X và ông Trần Văn N phải chịu 23.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2, khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích Đ

1. Buộc bà Bùi Thị X và ông Trần Văn N phải trả số tiền 475.000.000 (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu*) đồng cho bà Trần Thị Bích Đ

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Bích Đ 11.500.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004102 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Bùi Thị X và ông Trần Văn N phải chịu 23.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nhà, UBND xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi*
- *VKS huyện Nghĩa Hành;*
- *Cơ quan THADS huyện Nghĩa hành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Hải Nam